

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Ngọc Sửu.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

*** *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:***

Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

*** *Bị đơn:*** Anh Đoàn Duy S, sinh năm 1985

Đều trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh S*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 02/3/2021; Bản tự khai ngày 18/3/2021; Biên bản hòa giải ngày 30/3/2021, ngày 04/5/2021 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H nguyên đơn trình bày:

*** *Về quan hệ hôn nhân:*** Chị và anh Đoàn Duy S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại UBND xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra va chạm, anh S không quan tâm đến vợ con gia đình và đã có hai lần đánh chị, không tôn trọng chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, chị làm đơn xin được ly hôn với anh Đoàn Duy S.

- ***Về con chung:*** Chị và anh S có 03 con chung là Đoàn Ngọc A, sinh ngày

26/4/2010; Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 con và yêu cầu anh S phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/3 con/tháng từ tháng 8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và nợ*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 30/3/2021; Biên bản hòa giải ngày 30/3/2021 và ngày 04/5/2021, anh Đoàn Duy S bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại UBND xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên do chị H có vay nợ bên ngoài hai lần không thông qua anh và anh không biết chị H chi tiêu vào mục đích gì, nên vợ chồng có mâu thuẫn, anh có tát chị H một lần. Hai vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không lớn nên anh xin được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 03 con chung là Đoàn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2010; Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Duy S.

Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung là Đoàn Ngọc , sinh ngày 26/4/2010; Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020. Ly hôn, giao con chung Đoàn Ngọc A và Đoàn Xuân P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh S phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con Đoàn Xuân P mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Đoàn Ngọc Hải Y cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh S không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị H, anh S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đoàn Duy S phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa ngày 28/7/2021, anh Đoàn Duy S là bị đơn đã được Toà án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 12/8/2021, anh Đoàn Duy S là bị đơn đã được Toà án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng anh S vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đoàn Duy S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại UBND xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Chị H cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra chàm, cãi vã, anh S không quan tâm đến vợ con gia đình đã có hai lần đánh chị, không tôn trọng chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng và chị cương quyết xin được ly hôn với anh Đoàn Duy S. Anh S cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên do chị H có vay nợ ngoài hai lần không thông qua anh và anh không biết chị H chi tiêu vào mục đích gì nên vợ chồng có mâu thuẫn, anh có tát chị H một lần. Hai vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không lớn nên anh xin được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung.

[2.1] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09/4/2021 UBND xã H cung cấp như sau: Chị H, anh S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/10/2008 tại UBND xã Hồng G, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại H, trong cuộc sống có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nếu chị H cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung là Đoàn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2010; Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo

quyền lợi cho con chung.

[2.2] Tại biên bản hòa giải ngày 05/5/2021 do tổ hòa giải cơ sở tiến hành hòa giải giữa anh S, chị H: Tổ hòa giải cơ sở đã tiến hành hòa giải và khuyên bảo anh S, chị H bỏ qua mâu thuẫn cùng nhau nuôi dạy con chung, chị H cho anh S cơ hội để thay đổi nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh S không đồng ý ly hôn. Tại biên bản hòa giải chỉ có chị H ký, anh S không ký vào biên bản.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập chị H, anh S nhiều lần để hòa giải mục đích để vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển ổn định kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương. Anh S có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình, Tòa án đã cho anh S một thời gian dài để đưa ra các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn cương quyết xin ly hôn với anh S, anh S không có giải pháp nào để vợ chồng quay về đoàn tụ. Tại phiên tòa HĐXX, kiểm sát viên phân tích, đánh giá hậu quả pháp lý của việc ly hôn cho chị H nghe nhưng chị H vẫn khẳng định chị không còn tình cảm với anh S, do vậy việc đoàn tụ giữa chị H, anh S là không thành. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H cương quyết xin được ly hôn với anh S cần được chấp nhận theo yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh S có 03 con chung là Đoàn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2010; Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020. Ly hôn chị H, anh S đều có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung.

HĐXX thấy rằng: Nguyện vọng của chị H, anh S là chính đáng tuy nhiên việc giao cho chị H, anh S nuôi cả 03 con chung là không hợp lý không đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2021 và ngày 08/7/2021 các cháu Đoàn Ngọc A, cháu Đoàn Ngọc Hải Y đều có nguyện vọng ở với chị H. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho các con chung cần giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung Đoàn Ngọc A và anh S trực tiếp nuôi con Đoàn Ngọc Hải Y. Đối với con chung Đoàn Xuân P tính đến thời điểm xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con” nên giao con Đoàn Xuân P cho chị H trực tiếp nuôi.

Vì vậy, giao con chung Đoàn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2010 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cần buộc anh S có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con Đoàn Xuân P mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Giao con chung Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chấp nhận việc anh S không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản: Chị H, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đoàn Duy S phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đoàn Duy S.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đoàn Ngọc A, sinh ngày 26/4/2010 và Đoàn Xuân P, sinh ngày 20/10/2020 và buộc anh S có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con Đoàn Xuân P mỗi tháng 1.000.000 đồng từ tháng 8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Giao cho anh Đoàn Duy S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Đoàn Ngọc Hải Y, sinh ngày 25/9/2013 và chấp nhận việc anh S không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị H và anh Đoàn Duy S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002701 ngày 18/3/2021 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Đoàn Duy S phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/8/2021); Anh Đoàn Duy S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

HOÀNG VĂN THÀNH